

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành lại Hệ thống tài liệu quản lý chất lượng
theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC KIỂM LÂM

Căn cứ Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ, về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính Nhà nước;

Theo đề nghị của Ban Chỉ đạo ISO Chi cục Kiểm lâm và Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành lại Hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015 tại cơ quan Chi cục Kiểm lâm (có danh mục tài liệu kèm theo).

Điều 2. Các phòng chuyên môn thuộc Chi cục Kiểm lâm có trách nhiệm đọc hiểu và thi hành công việc theo đúng quy định của Hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 101/QĐ-CCKL ngày 29/3/2023 của Chi cục Kiểm lâm, về việc ban hành tài liệu thuộc Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Điều 4. Ban Chỉ đạo ISO, Thư ký ISO, Trưởng phòng các phòng chuyên môn và công chức, lao động hợp đồng thuộc cơ quan Chi cục Kiểm lâm và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chi cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng;
- Sở NNPTNT (báo cáo);
- CCT và các PCCT;
- Lưu: VT, TCHC(02b).

CHI CỤC TRƯỞNG

Lê Đức Sáu

DANH MỤC TÀI LIỆU HTQLCL CỦA CƠ QUAN CHI CỤC KIỂM LÂM
(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-CCKL, ngày /9/2024
của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm)

T T	TÊN TÀI LIỆU	MÃ HIỆU	KIỂM SOÁT
I. THỦ TỤC, HƯỚNG DẪN THEO MÔ HÌNH HTQLCL			
1	Mô hình Hệ thống quản lý chất lượng	MHQLCL	Thư ký ISO
2	Chính sách chất lượng	CSCCL	Thư ký ISO
3	Mục tiêu chất lượng	MTCL	Thư ký ISO
4	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản	HD.01.MH	Thư ký ISO
5	Hướng dẫn quản lý rủi ro và cơ hội	HD.02.MH	Thư ký ISO
6	Hướng dẫn đánh giá nội bộ	HD.03.MH	Thư ký ISO
7	Hướng dẫn kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	HD.04.MH	Thư ký ISO
II. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC			
1	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	QT.01.QLBT	Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên
2	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý	QT.02.QLBT	Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên
3	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	QT.03.SDPTR	Phòng sử dụng và phát triển rừng
4	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	QT.04.TTPC	Phòng Thanh tra-Pháp chế
5	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	QT.05.QLBT	Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên
6	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	QT.06.QLBT	Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên

7	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	QT.07.SDPTR	Phòng sử dụng và phát triển rừng
8	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	QT.08.SDPTR	Phòng sử dụng và phát triển rừng
9	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	QT.09.SDPTR	Phòng sử dụng và phát triển rừng
10	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch UBND tỉnh cấp quyết định đầu tư	QT.10.SDPTR	Phòng sử dụng và phát triển rừng
11	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	QT.11.SDPTR	Phòng sử dụng và phát triển rừng
12	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	QT.12.SDPTR	Phòng sử dụng và phát triển rừng
13	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	QT.13.SDPTR	Phòng sử dụng và phát triển rừng
14	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II, III CITES	QT.14.QLBT	Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên
15	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	QT.15.QLBT	Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên
16	Quyết định giao rừng cho tổ chức	QT.16.SDPTR	Phòng sử dụng và phát triển rừng
17	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	QT.17.SDPTR	Phòng sử dụng và phát triển rừng
18	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	QT.18.SDPTR	Phòng sử dụng và phát triển rừng
19	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	QT.19.SDPTR	Phòng sử dụng và phát triển rừng

20	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	QT.20.SDPTR	Phòng sử dụng và phát triển rừng
----	--	-------------	----------------------------------